***Bàn về chính sách tài khóa tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế : nhìn lại giai đoạn 2021-2023 và gợi ý cho 2024-2025***

**PGS., TS. Vũ Sỹ Cường[[1]](#footnote-1)**

**Dẫn nhập**

Sau khi khống chế được tạm thời dịch bệnh Covid vào cuối năm 2020, nền kinh tế Việt nam bước vào năm 2021, giai đoạn đầu của thời kỳ 5 năm 2021-2025 với những kỳ vọng tiếp tục phát triển mạnh mẽ. Những thách thức cũ chưa qua thì những thách thức mới đã tới với năm 2022 như xung đột Nga – Ucraina, giãn cách do Covid ở Trung Quốc và bóng ma lạm phát cao trên toàn cầu. Những khó khăn của Covid -19 và tình hình chính trị thế giới đã ảnh hưởng không nhỏ đến kinh tế Việt nam năm 2023 và giai đoạn 2023-2025. Trong bài viết, ngoài mở đầu và kết luận, phần một sẽ là những đánh giá khái quát về chính sách tài khóa những năm gần đây, phần 2 là những thách thức đặt ra cho năm 2023 và phần 3 là một số giải pháp chính sách cho năm 2024 -2025 và trong trung hạn đến 2030.

**1. Khái quát về chính sách tài khóa 2022-2023**

Do ảnh hưởng của dịch bệnh và tình hình kinh tế, chính trị thế giới, là quốc gia có độ mở của nền kinh tế rất cao nên Việt nam đứng trước nhiều thách thức với tăng trưởng kinh tế.

Nhằm ứng phó với khủng hoảng do dịch bệnh, ngay từ năm 2021, Việt nam cũng đã thực hiện nhiều chính sách tài khóa hỗ trợ người dân và doanh nghiệp. Năm 2022 được bắt đầu với việc Quốc hội ban hành Nghị quyết 43/2022/QH15 với hàng loạt các gói hỗ trợ tài khóa và tiền tệ. Ttrong 3 năm 2020-2022, các giải pháp về gia hạn, miễn, giảm các khoản thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất giúp hỗ trợ doanh nghiệp, người dân khoảng 507 nghìn tỷ đồng, góp phần tích cực trong phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội...Hàng loạt các giải pháp về chính sách tài khóa như gia hạn, miễn, giảm các khoản thuế, phí, lệ phí và tiền thuê đất, gia hạn các khoản thuế như: thuế VAT, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế tiêu thụ đặc biệt; miễn, giảm các khoản thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, thuế VAT, thuế nhập khẩu, thuế bảo vệ môi trường, cùng nhiều khoản phí, lệ phí và tiền thuê đất để hỗ trợ doanh nghiệp, người dân và nền kinh tế.

Thực hiện Chương trình phục hồi và phát triển kinh tế - xã hội, gói hỗ trợ tài khóa chiếm phần lớn chương trình nên nhiệm vụ của Chính phủ, nhất là Bộ Tài chính là hết sức nặng nề. Chính phủ đã ban hành nhiều chính sách, như: Nghị định số 15/2022/NĐ-CP hướng dẫn về chính sách miễn, giảm thuế theo Nghị quyết số 43/2022/QH13; Nghị định số 32/2022/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế tiêu thụ đặc biệt đối với ô tô sản xuất hoặc lắp ráp trong nước; Nghị định số 34/2022/NĐ-CP gia hạn thời hạn nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân và tiền thuê đất trong năm 2022. Ngoài ra, Chính phủ cũng đã ban hành: Nghị định số 36/2022/NĐ-CP hỗ trợ lãi suất đối với các khoản vay tại Ngân hàng Chính sách xã hội, nguồn vốn cho vay, cấp bù lãi suất và phí quản lý để Ngân hàng Chính sách xã hội cho vay, theo Nghị quyết 43/2022/QHl5; Nghị định số 148/2021/NĐ-CP quản lý, sử dụng nguồn thu từ chuyển đổi sở hữu doanh nghiệp, đơn vị sự nghiệp công lập, nguồn thu từ chuyển nhượng vốn nhà nước và chênh lệch vốn chủ sở hữu lớn hơn vốn điều lệ tại doanh.

Năm 2023, để hỗ trợ tăng trưởng tiêu dùng nội địa, Quốc hội tiếp tục quyết định giảm 2% mức thuế suất thuế VAT đối với tất cả các hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng áp dụng thuế suất 10% (còn 8%); giảm 20% mức tỷ lệ % để tính thuế VAT đối với cơ sở kinh doanh (bao gồm cả hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh) khi thực hiện xuất hóa đơn đối với tất cả các hàng hóa, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế VAT 10%. Đồng thời, trong Nghị quyết về dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023, Quốc hội đã cho phép từ ngày 01 tháng 7 năm 2023 thực hiện tăng lương cơ sở cho cán bộ, công chức, viên chức lên mức 1,8 triệu đồng/tháng; Tăng 12,5% lương hưu, trợ cấp bảo hiểm xã hội đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo và hỗ trợ thêm đối với người nghỉ hưu trước năm 1995 có mức hưởng thấp; Tăng mức chuẩn trợ cấp người có công bảo đảm không thấp hơn mức chuẩn hộ nghèo khu vực thành thị và tăng 20,8% chi các chính sách an sinh xã hội đang gắn với lương cơ sở.

**Hình 1 : Tỷ lệ thực hiện thu ngân sách nhà nước so với dự toán (%) năm 2006-2023**

*(Tác giả tính toán từ số liệu Bộ Tài chính, năm 2021 là ước thực hiện lần 2, năm 2022 là số ước tính lần 1 và 2023 và ước tháng 9/2023)*

Trước nguy cơ sụt giảm nguồn thu, chi ngân sách năm 2023 được lập dự toán khá thận trọng. Theo Nghị quyết về dự toán ngân sách 2023, Quốc hội quyết định tổng số thu NSNN năm 2023 là 1.620.744 tỷ đồng. .Trong đó thu nội địa là 334,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 82,3% tổng thu cân đối NSNN, tăng khoảng 3,2% so với ước thực hiện năm 2022. Tổng số chi NSNN là 2.076.244 tỷ đồng. Về bội chi, mức bội chi NSNN là 455.500 tỷ đồng, tương đương 4,42% GDP, bao gồm bội chi ngân sách trung ương là 430.500 tỷ đồng, tương đương 4,18% GDP và bội chi ngân sách địa phương là 25.000 tỷ đồng, tương đương 0,24% GDP. Năm 2023, tổng mức vay của NSNN là 648.213 tỷ đồng.

Tuy nhiên, do những khó khăn của kinh tế 2023, việc hoàn thành dự toán thu vẫn là thách thức với ngân sách cả nước và ngân sách nhiều địa phương, nhất là những địa phương có nguồn thu lớn từ đất đai và hoạt động kinh doanh bất động sản. Với chi NSNN, thách thức lớn nhất vẫn là chi đầu tư luôn thấp hơn dự toán.

**Hình 2: Tỷ lệ thực hiện các khoản chi ngân sách nhà nước so với dự toán năm giai đoạn (2006-2023)**

*(Nguồn: tính toán từ số liệu Bộ Tài chính, năm 2022 là ước thực hiện lần 2, năm 2023 là số ước tính).*

**2. Đánh giá chính sách tài khóa 2021-2023 và vấn đề đặt ra cho 2023-2025**

Chính sách tài khóa 2021-2023 của Việt nam qua một loạt Nghị quyết của Quốc hội và của Thường vụ Quốc hội trong giai đoạn này được cụ thể hóa bằng các văn bản pháp lý của Chính phủ đã góp phần giúp Việt nam tiếp tục giữ vững ổn định vĩ mô. Đánh giá khái quát về các chính sách tài khóa 2021-2023 có thể thấy một số kết quả ban đầu như sau:

Thứ nhất, các gói hỗ trợ giảm thuế, nhất là VAT, thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế bảo vệ môi trường với xăng dầu đã có tác dụng tốt với việc kiềm chế lạm phát của Việt nam giai đoạn 2021-2023 , trung bình vẫn ở mức 4 % trong khi nhiều nền kinh tế trên thế giới đang đối mặt với lạm phát cao trong giai đoạn này.

Thứ hai, gói hỗ trợ tài khóa đã góp phần phục hồi hoạt động sản xuất kinh doanh, tăng trưởng kinh tế của Việt nam (góp phần vào tăng trưởng năm 2022 ước đạt hơn 8 %).

Thứ ba, Nợ công và nợ được khu vực công bảo lãnh vẫn ở mức bền vững, ổn định quanh khoảng 36% GDP trong năm 2023 trước khi giảm xuống khoảng 34,4% vào năm 2025. Nợ của Chính phủ và nợ được được Chính phủ bảo lãnh vẫn ở mức bền vững, qua đó cho thấy dư địa tài khóa còn dồi dào để thực hiện chính sách tài khóa ứng phó với biến động chu kỳ. Nợ của Chính phủ và được Chính phủ bảo lãnh giảm liên tục từ năm 2016 là thời điểm nợ ở mức 47,5%, đồng thời thấp hơn nhiều so với ngưỡng 60% được Quốc hội đề ra

Tuy nhiên, phân tích chính sách tài khóa năm 2021-2023 và giai đoạn gần đây cho thấy Việt nam vẫn còn nhiều vấn đề cần phải giải quyết cả trong ngắn và dài hạn. Các thách thức bao gồm:

+ **Thứ nhất**, ngoài chính sách miễn giảm thuế có tác dụng rõ rệt thì các chính sách khác còn khá mờ nhạt như chương trình hỗ trợ 2 % lãi suất hay chương trình mua máy tính cho học sinh. Gói hỗ trợ nhà ở mặc dù được coi là rất có ý nghĩa về mặt xã hội nhưng triển khai trên thực tế cũng còn nhiều khó khăn, chưa được như kỳ vọng. Gói hỗ trợ xây dựng nhà ở xã hội gần như chưa giải ngân được.

+ **Thứ hai**, chi đầu tư giữ vai trò quan trọng trong gói hỗ trợ tài khóa song tiến độ giải ngân rất chậm, từ số liệu hết tháng 08/2023 cho thấy tổng chi đầu tư phát triển chỉ đạt cả năm khó có thể đạt 90 % dự toán. Nhiều khoản chi đầu tư từ chương trình phục hồi KT-XH vẫn chưa thể giải ngân. Mặc dù Thường vụ Quốc hội đã có nhiều giải pháp như ban hành Nghị quyết 584 về việc điều chỉnh, bổ sung dự toán chi đầu tư phát triển vốn ngân sách trung ương năm 2022 cho các bộ, cơ quan trung ương và địa phương. Tuy nhiên, tình trạng “no dồn, đói góp” của chi đầu tư ít thay đổi. Điều này sẽ tác động lớn đến tăng trưởng kinh tế của giai đoạn 2023-2025.

+ **Thứ ba**, chương trình hỗ trợ và phục hồi KT-XH theo Nghị quyết 43/2022 được thiết kế trước khi có những biến động lớn về tình hình kinh tế chính trị thế giới như xung đột Nga – Ucraina, tình hình lạm phát toàn cầu. Do vậy, cần phải có những điều chỉnh trước những biến động của bối cảnh mới. Tuy nhiên, dường như, chính sách tài khóa vẫn còn khá thận trọng khi xu hướng chung là ít thay đổi qua các năm. Thận trọng là cần thiết song quá thận trọng sẽ không có lợi khi chi tiêu chính phủ được coi là động lực tăng trưởng quan trọng hiện nay.

**Hình 3: Thay đổi hàng năm của thâm hụt ngân sách (%)**

(tính toán từ số liệu quyết toán NSNN nhiều năm)

**+ Thứ tư**, vấn đề dự báo thu và chấp hành chi ngân sách cho đầu tư vẫn luôn là thách thức. Việc dự báo thận trọng là cần thiết song quá thận trọng có thể khiến Việt nam tự thu hẹp không gian tài khóa của mình. Số liệu ở hình dưới dây cho thấy quy mô thu ngân sách của Việt nam đang có xu hướng thu hẹp lại so với giai đoạn trước đây. Điều này cho thấy Việt nam đang đứng trước thế lưỡng nan vừa muốn tiếp tục nới lỏng chi tiêu, vừa muốn giảm thuế để hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Hệ quả là cán cân ngân sách có nguy cơ mất cân đối nhiều hơn và rủi ro làm tăng vay nợ.

**Hình 4 Quy mô thu NSNN so với GDP của các nước có thu nhập trung bình thấp**

(Nguồn: IMF (2022) số liệu 2022-2024 là ước tính).

Số liệu về kế hoạch tài chính trung hạn - NSNN 3 năm 2022-2024, dự kiến đạt tỷ lệ huy động vào NSNN bình quân khoảng 15,1%GDP (từ thuế, phí gần 13%). Nếu quy đổi theo GDP (cũ) thì quy mô thu NSNN giai đoạn 2022-2024 cũng chỉ tương đương khoảng 18,5 % GDP thấp hơn nhiều mức trung bình giai đoạn 2015-2019 là 25,1 % GDP.

Hơn nữa, ngân sách nhà nước của VIệt nam còn biến động khá mạnh hàng năm. Điều này cho thấy vấn đề cả về cải cách hệ thống chính sách thu và vấn đề về quản lý nguồn thu NSNN. Bảng 1 dưới đây tính toán độ lệch chuẩn về rhay đổi tăng thu NSNN của một số nguồn thu chính. Có thể thấy là dao động có xu hướng tăng lên nhanh trong 15 năm vừa qua

**Bảng 1: Độ lệch chuẩn về thay đổi số thu NSNN hàng năm**

|  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- |
|  | 2007-2010 | 2011-2016 | 2017-2022 |
| TỔNG THU NSNN | 8.77 | 12.16 | 10.26 |
| **I.Thu thường xuyên** | 9.98 | 12.47 | 10.17 |
| Thuế GTGT hàng sản xuất trong nước | 9.13 | 19.45 | 18.69 |
| Thuế TTĐB hàng sản xuất trong nước | 13.07 | 12.84 | 12.56 |
| Thuế XK, NK và TTĐB hàng NK | 25.22 | 27.92 | 15.17 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 22.69 | 22.12 | 20.97 |
| Thuế tài nguyên | 33.21 | 28.87 | 30.36 |
| Thuế thu nhập ca nhan | 28.80 | 32.86 | 33.00 |
| Thu phí xăng dầu (từ 2012 là thuế môi trường) | 40.27 | 40.20 | 41.60 |
| **II.Thu không thường xuyên** |  |  |  |
| Thu tiền thuê đất | 27.81 | 30.20 | 23.26 |
| Thu về vốn và tài sản | 30.38 | 17.13 | 17.56 |
| Thu tiền sử dụng đất | 32.68 | 16.37 | 16.99 |

(Nguồn: tính toán của tác giả từ số liệu quyết toán NSNN hàng năm)

**+ Thứ năm,** rủi ro bất ổn từ quá trình thay đổi chính sách vĩ mô toàn cầu trong đó có vấn đề chuyển đổi mô hình tiêu dùng và xung đột khu vực. Các dự báo của các tổ chức kinh tế đều cho thấy cho năm 2023 tăng trưởng kinh tế thế giới sẽ yếu đi. Ba nền kinh tế lớn nhất thế giới, gồm Trung Quốc, khu vực đồng Euro và Hoa Kỳ, sẽ tăng trưởng chậm lại đáng kể vào năm 2023, phản ánh các nguy cơ rủi ro trở thành hiện thực: thắt chặt các điều kiện tài chính toàn cầu ở hầu hết các khu vực, kỳ vọng tăng lãi suất mạnh hơn của các ngân hàng trung ương lớn để chống lạm phát; giảm tăng trưởng rõ rệt hơn ở Trung Quốc do thời gian phong tỏa kéo dài và khủng hoảng thị trường bất động sản ngày càng trầm trọng; tác động lan tỏa từ cuộc xung đột tại U-crai-na với nguồn cung khí đốt từ Nga sang châu Âu bị thắt chặt.

Năm 2023, khó khăn của nền kinh tế đã làm IMF đã hạ dự báo tăng trưởng của Việt Nam năm 2023 chỉ còn 4,7 %, tức giảm 1,1% so với dự báo trước đó[[2]](#footnote-2)). WB cũng dự kiến tăng trưởng 4,7% trong năm 2023, với dự báo phục hồi dần lên 5,5% vào năm 2024 và 6% vào năm 2025. Tuy có chững lại nhưng cầu trong nước dự kiến vẫn là động lực tăng trưởng chính trong năm 2023. Tiêu dùng tư nhân sẽ vẫn đứng vững - với tốc độ tăng 6% (so cùng kỳ), tuy có giảm nhẹ xuống dưới mức tăng trước đạt dịch là 7% (so cùng kỳ) vào năm 2019, đóng góp 3,4 điểm phần trăm cho tăng trưởng GDP.

**3. Một số gợi ý chính sách tài khóa cho năm 2024 và trung hạn đến 2030**

***Thứ nhất****, cần có giải pháp chính sách nâng cao năng lực theo dõi và đánh giá về công tác lập dự toán và chấp hành dự toán*

Với dự toán thu NSNN, việc vượt thu NSNN là tốt song nếu số vượt thu quá cao cũng có cho thấy những vấn đề nhất định trong công tác lập dự toán[[3]](#footnote-3). Dù chính phủ có những biện pháp mạnh mẽ thì việc thực hiện dự toán chi tiêu từ ngân sách nhà nước vẫn luôn có nhiều thách thức nhất là với chi đầu tư. Số liệu cho thấy việc lập dự toán và chấp hành dự toán đúng luôn là vấn đề chưa được giải quyết khi mà số ngân sách chuyển nguồn hàng năm luôn rất cao (tỷ lệ này giảm đi đôi chút vào giai đoạn 2012-2014 và lại tăng cao trở lại vài năm gần đây). Khi mà ngân sách chuyển nguồn quá lớn lên tới gần 40 % tổng chi cân đối NSNN (2019-2020) thì hiệu quả của chính sách tài khóa đến tăng trưởng kinh tế trong năm sẽ bị ảnh hưởng rất lớn.

Do vậy, cần tiếp tục thực hiện các biện pháp chủ động, quyết liệt và tích cực trong việc tiết kiệm chi tiêu từ NSNN, phối hợp các bộ ngành và địa phương trong lập và chấp hành dự toán chi đầu tư. Việc hoàn thiện khuôn khổ pháp lý cho quản lý và phân bổ chi đầu tư công cần tiếp tục được thực hiện để phù hợp hơn với điều kiện thực thi chính sách ở Việt nam. Việc quy định rõ ràng về trách nhiệm, trách nhiệm giải trình và phân cấp quản lý chi đầu tư chính luôn là hết sức cần thiết. Đặc biệt cần rất chú trọng đến việc lập kế hoạch và giải ngân đầu tư công để tránh tình trạng ”no dồn, đói góp” trong chi đầu tư. Trong đó, cũng cần tháo gỡ các quy định ảnh hưởng đến giải ngân chi đầu tư nói chung và chi đầu tư từ nguồn vốn ODA nói riêng. Có thể xem xét điều chỉnh các khoản đầu tư cho nhà ở xã hội sang hình thức hỗ trợ doanh nghiệp xây nhà ở xã hội bằng nguồn vốn đối ứng của doanh nghiệp và hỗ trợ xây nhà cho thuê tại các khu công nghiệp, khu chế xuất…

***Thứ hai,*** *bối cảnh kinh tế xã hội giai đoạn 2023-2025 có những thay đổi rất lớn do tác động của Covid-19 và tình hình kinh tế chính trị thế giới, vì vậy Kế hoạch tài chính 5 năm và Kế hoạch tài chính - ngân sách nhà nước (NSNN) 3 năm cần có những thay đổi để phù hợp với tình hình mới.*

Việc tiếp tục lập ngân sách theo mô hình đầu vào đã bộc lộ những hạn chế rất lớn khi đối phó với dịch bệnh vì vậy cần nhanh chóng triển khai áp dụng việc lập kế hoạch ngân sách theo đầu ra, đặc biệt với ngành y tế. Dịch bệnh Covid -19 cũng đã có những tác động rất lớn đến cơ cấu kinh tế và lao động không chỉ năm 2021-2022 mà cho cả giai đoạn 2021-2025. Hàng loạt vấn đề về đào tạo lại lao động, đảm bảo môi trường an toàn cho lao động di cư (nhà ở, trường học, bệnh viện) đặt ra những yêu cầu mới trong lập kế hoạch tài chính, đầu tư trung hạn.

***+ Thứ ba****, điều chỉnh quy mô và cơ cấu chi trong ngân sách nhà nước*

Chi đầu tư cho xây mới là quan trọng nhưng chi đầu tư cho cải tạo, nâng cấp và đặc biệt là chi thường xuyên cho duy tu bảo dưỡng hệ thống cơ sở hạ tầng cũng rất cần thiết. Dù điều này không mới nhưng việc cắt giảm chi thường xuyên một cách máy móc sẽ có rủi ro làm giảm hiệu quả sử dụng cơ sở hạ tầng. Hơn nữa, giảm chi thường xuyên một cách máy móc nhất là ở các địa phương dễ có nguy cơ làm trầm trọng hơn các vấn đề về thiếu biên chế cho ngành y tế và giáo dục hiện nay.

Gói hỗ trợ tài khóa cần tiếp tục tập trung vào chi đầu tư cơ sở hạ tầng (các dự án án có tính liên vùng, đã hoàn thành cơ bản các thủ tục đầu tư), chi cho đào tạo lại lao động (chuyển đổi nghề nghiệp), chi cho xây dựng các khu nhà ở xã hội, các dự án cải tạo chung cư cũ...

Xem xét điều chỉnh các gói hỗ trợ không còn phù hợp với bối cảnh mới. Nguyên tắc chung của việc thực hiện chính sách tài khóa nên là đơn giản về quy trình, dễ xác định đối tượng hưởng lợi và không tạo ra cơ hội cho tham nhũng chính sách.

***+ Thứ tư****, vấn đề huy động nguồn ngân sách và vay nợ*

Để huy động nguồn có thể xem xét đẩy nhanh việc thoái vốn nhà nước tại các doanh nghiệp mà nhà nước không cần nắm giữ quyền chi phối. Trong giai đoạn hiện nay có thể chấp nhận bội chi cao và vay nợ nhiều hơn trong ngắn hạn là để có không gian tài khóa tốt hơn cho các nhiệm vụ phục hồi kinh tế, xã hội. Trong trung hạn từ 2025-2030, lãi suất huy động TPCP có thể tăng trở lại nên cần tính toán rất cẩn trọng quy mô và thời điểm cho việc huy động TPCP. Việc Moody nâng xếp hạng tín nhiệm của Việt nam cũng là cơ hội tốt để huy động các nguồn vốn với lãi suất thấp hơn.

***Bảng 21: Kịch bản mô phỏng về thâm hụt, tăng trưởng và nợ công của Việt nam***

|  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
|  |  | **Năm** |  |  | **Kịch bản** | |  |
| **Giả định và kết quả** |  | 2021 | 2022 | 2023 | 2024 | 2025 | 2026 |
| Tăng trưởng GDP (%) | ***g*** | 2.5 | 8.0 | 6.0 | 6.5 | 6.5 | 6.5 |
| Lãi suất vay danh nghĩa trong nước (%) | ***i*** | 4.0 | 5.0 | 4.5 | 4.7 | 4.7 | 4.7 |
| Lạm phát (%) (GDP deflator) | ***π*** | 2.0 | 4.0 | 4.5 | 4.0 | 4.0 | 4.0 |
| Lãi suất vay danh nghĩa bên ngoài (%) | ***if*** | 1.9 | 3.0 | 3.5 | 3.2 | 3.2 | 3.2 |
| Mất giá nội tệ (%) | ***ε*** | 0.1 | 6.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 2.0 |
| Tỷ lệ nợ nước ngoài (% of total) | ***α*** | 38.0 | 38.0 | 38.0 | 38.0 | 38.0 | 38.0 |
| Lãi suất thực hiệu dụng trong nước (%) | ***r*** | 2.0 | 2.0 | 2.0 | 0.7 | 0.7 | 0.7 |
| Lãi suất thực hiệu dụng nước ngoài (%) | ***rf*** | 0.0 | 5.0 | 1.0 | 1.2 | 1.2 | 1.2 |
| Trung bình lãi suất vay (%) | ***rw*** | 1.2 | 3.1 | 1.6 | 0.9 | 0.9 | 0.9 |
| Bội chi ngân sách (% of GDP) | ***pb*** | **-4.0** | -5.0 | -4.5 | -3.0 | -3.0 | -3.0 |
| **Nợ công (% of GDP)** | ***pd*** | **43.5** | 46.5 | 49.1 | 49.5 | 49.9 | 50.3 |

(Nguồn: tính toán của tác giả, các giá trị r, rf, rw, nợ công là số liệu tính toán trên cơ sở các giả định về tăng trưởng, bội chi, lạm phát, lãi suất danh nghĩa, GDP tính theo số GDP mới 2021).

Kết quả mô phỏng ảnh hưởng của các yếu tố vĩ mô đến nợ công cho thấy, nếu tăng trưởng kinh tế tiếp tục được duy trì ở mức 6.5 % GDP (năm 2023 chỉ là 6 %), lạm phát dưới 4,5 % và đồng Việt nam chỉ mất giá khoảng 2 % mỗi năm kể từ 2023-2026, đồng thời lãi suất danh nghĩa vay bên ngoài tăng lên so với 2021 thì nợ công của Việt nam vẫn chỉ vào khoảng hơn 50 % GDP (thấp hơn ngưỡng quốc hội cho phép).

Yếu tố ảnh hưởng mạnh nhất đến tăng tỷ lệ nợ công vẫn là tỷ lệ bội chi NSNN. Do vậy, về dài hạn để đảm bảo bền vững ngân sách và giảm tỷ lệ nợ công thì bắt buộc phải giảm tỷ lệ thâm hụt NSNN.

Hơn nữa, kịch bản cũng cho thấy nếu tăng trưởng kinh tế thấp hơn đồng thời với việc đồng Việt nam mất giá mạnh sẽ gây áp lực lớn với tăng tỷ lệ nợ công. Kịch bản cho thấy, Việt nam có thể tận dụng cơ hội lãi suất thấp ở nửa cuối năm 2023 và có thể đầu 2024 cho việc huy động TPCP (chủ động với CSTK nới lỏng với điều kiện giải ngân chi đầu tư tốt hơn).

Tính toán của chúng tôi cho thấy, Việt nam được đánh giá có năng lực quản trị nợ ở mức trung bình khá và các chỉ tiêu về an toàn nợ công của Việt nam được đánh giá khá tốt nên Việt nam còn dư địa tài khóa cho việc thực hiện các chính sách hỗ trợ trong giai đoạn 2022-2025[[4]](#footnote-4).

**Kết luận**

Thực hiện tốt chính sách tài khóa năm 2023 trong bối cảnh thế giới phức tạp và nền kinh tế chưa thực sự có những đột phá về mô hình tăng trưởng là nhiệm vụ rất khó khăn song về cơ bản Chính phủ đã vượt qua thách thức và đạt được những thành công nhất định.

Năm 2024-2025 cần tiếp tục thực hiện nguyên tắc điều hành chính sách tài khóa là chủ động, linh hoạt trong ứng biến về ngắn hạn nhưng tuân thủ các nguyên tắc cân đối ngân sách và kỷ luật tài chính về dài hạn. Thế giới đang đối mặt với nhiều thay đổi bất thường nên cũng cần có những giải pháp đặc thù mới có thể đối phó được.

**Tài liệu tham khảo**

1. ADB (2022) *Asian Development Outlook (ADO) 2022*, 07/2022.
2. Bộ Tài chính (nhiều năm) Dự toán và Quyết toán NSNN
3. IMF (2022) Helping People Bounce Back - Fiscal Monitor, Washington DC. 10/2022
4. IMF (2022) Inflation and uncertainty - World Economic Outlook, 10/2022
5. IMF (2023) IMF Staff Completes 2023 Article IV Mission to Vietnam
6. Leeper, Eric M. (1991). "Equilibria under 'Active' and 'Passive' Monetary and Fiscal Policies". Journal of Monetary Economics. 27 (1): 129−147
7. Tổng cục Thống kê (2022) Báo cáo tình hình kinh tế xã hội tháng 8 và 8 tháng năm 2022
8. Vũ Sỹ Cường (2016) Chính sách tài khóa và tăng trưởng kinh tế: tổng hợp từ nghiên cứu lý thuyết và thực nghiệm – Tạp chí Kinh tế tài chính
9. Vũ Sỹ Cường (2012) *“Quan hệ giữa lập dự toán và thưc hiện ngân sách nhà nước với lạm phát”* – Tạp chí Ngân hàng số 2/2012.
10. Vũ Sỹ Cường (2021) “ Dư địa chính sách tài khóa và phối hợp chính sách tài khóa – tiền tệ cho phục hồi và phát triển kinh tế trong bối cảnh bình thường mới” – Diễn đàn kinh tế xã hội của Quốc hội
11. Vũ Sỹ Cường (2022) Chính sách tài khóa hỗ trợ ổn định và phục hồi kinh tế giai đoạn 2022-2025: Thực trạng và giải pháp – Diễn đàn kinh tế xã hội của Quốc hội
12. World Bank – IMF (2018) The Debt Sustainability Framework for Low-Income Countries
13. World Bank (2023) Cập nhật tình hình kinh tế Việt nam, tháng 08/2023

1. Bài viết thể hiện quan điểm cá nhân của chuyên gia và không phải của cơ quan nơi tác giả làm việc là Học viện Tài chính [↑](#footnote-ref-1)
2. IMF tháng 5/2023 [↑](#footnote-ref-2)
3. Xem thêm hướng dẫn về đánh giá quản lý tài chính công PEFA framwork (2016) của Ngân hàng thế giới. [↑](#footnote-ref-3)
4. Xem thêm Vũ Sỹ Cường (2022) [↑](#footnote-ref-4)